

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng  
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 13  
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28  
tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an  
ninh, trật tự ở cơ sở;*

*Xét Tờ trình số 3348/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thông qua Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm  
điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở  
trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân  
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động đối với  
lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre, bao  
gồm: Mức chi hỗ trợ sửa chữa phương tiện, thiết bị; trang bị trang phục, huy  
hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an  
ninh, trật tự ở cơ sở; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức;  
sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 2. Mức chi hỗ trợ sửa chữa phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

Hàng năm, ngân sách địa phương chi hỗ trợ các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự sửa chữa phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục được trang bị theo quy định pháp luật khi bị hư, hỏng không quá 2.000.000 đồng/Tổ/năm.

### **Điều 3. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của cá nhân lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở cụ thể như sau:

| STT | Danh mục trang phục/biển hiệu, giấy chứng nhận | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn trang bị lần đầu | Niên hạn (Năm) | Tiêu chuẩn trang bị những năm tiếp theo | Mức chi                                                                                               |
|-----|------------------------------------------------|-------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Mũ mềm gắn huy hiệu                            | Cái         | 01                          | 03             | 01                                      | Thực hiện theo đơn giá hiện hành của đơn vị được cấp phép sản xuất mà địa phương lựa chọn ký hợp đồng |
| 2.  | Mũ cứng gắn huy hiệu                           | Cái         | 01                          | 03             | 01                                      |                                                                                                       |
| 3.  | Mũ bảo hiểm                                    | Cái         | 01                          | 05             | 01                                      |                                                                                                       |
| 4.  | Quần áo xuân hè (gồm phù hiệu)                 | Bộ          | 02                          | 01             | 01                                      |                                                                                                       |
| 5.  | Áo xuân hè dài tay (gồm phù hiệu)              | Cái         | 02                          | 02             | 01                                      |                                                                                                       |
| 6.  | Dây lưng                                       | Cái         | 01                          | 03             | 01                                      |                                                                                                       |
| 7.  | Giày da                                        | Đôi         | 01                          | 02             | 01                                      |                                                                                                       |
| 8.  | Dép nhựa                                       | Đôi         | 01                          | 01             | 01                                      |                                                                                                       |
| 9.  | Bít tất                                        | Đôi         | 02                          | 01             | 02                                      |                                                                                                       |
| 10. | Quần áo mưa                                    | Bộ          | 01                          | 03             | 01                                      |                                                                                                       |
| 11. | Biển hiệu                                      | Cái         | 01                          | 05             | 01                                      |                                                                                                       |
| 12. | Giấy chứng nhận                                | Cái         | 01                          | 05             | 01                                      |                                                                                                       |

**Điều 4. Mức chi cho công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Việc tổ chức tập huấn, diễn tập, tổ chức hội thi; sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện theo kế hoạch, phát động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chi công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Chi tổ chức sơ kết, tổng kết áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

4. Chi tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng áp dụng mức chi theo Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chi các nội dung quy định tại Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết này được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí thực hiện chi các nội dung quy định tại Điều 3 Nghị quyết này được thực hiện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 13 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Các Bộ: Tài chính, Công an;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT&TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Thị Hoàng Yến**